

Bản án số: 28/2019/HS-PT
Ngày 08-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tuấn

Bà Phạm Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 04/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 do có kháng cáo của các bị cáo Trần Thị T, Bùi Văn Đ đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2018/HS-ST ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị T, sinh ngày 20/8/1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Khu VT 1, thị trấn TS, huyện AL, thành phố Hải Phòng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần **Văn T** (tức Trần Thành T) và bà Nguyễn Thị Y, có chồng là Tạ Văn H và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; có mặt.

Bùi Văn Đ, sinh ngày 09/3/1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn TT, xã BT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T1 và bà Bùi Thị H1; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T: Ông Nguyễn Đăng Khoa và ông Lê Bá Châu – Luật sư của Văn phòng Luật sư Á Đông thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; Luật sư Khoa có mặt; luật sư Châu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 20 phút ngày 04 tháng 7 năm 2018, Công an thị trấn TS, huyện AL kiểm tra nhà nghỉ Phương T do Trần Thị T làm chủ phát hiện tại phòng số 105 có Bùi Văn K và Lô Thị T2 đang quan hệ tình dục ngoài hôn nhân; phòng số 108 có Nguyễn Đình H2 và Lô Thị M đang quan hệ tình dục ngoài hôn nhân. Công an thị trấn TS thu giữ vật chứng là các vao cao su đã qua sử dụng. Lúc đó, tại nhà nghỉ Phương Thúy có Lê Quang Đ và Nguyễn Văn M1, Công an thị trấn TS mời về trụ sở để làm việc.

Qua đấu tranh các đối tượng khai nhận:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 04 tháng 7 năm 2018 Lê Quang Đ, Nguyễn Văn M1 đến nhà nghỉ Phương Thúy gặp Trần Thị T là chủ nhà nghỉ để tìm gái mua dâm. Trần Thị T đồng ý và dùng điện thoại có số thuê bao 0977.211.982 gọi điện cho Bùi Văn Đ có số thuê bao 0966.232.586 là nhân viên quản lý của quán Karaoke Biển Nhớ. Trần Thị T nói với Bùi Văn Đ: “Điều cho 02 nhân viên”. Bùi Văn Đ biết điều nhân viên sang bán dâm, Bùi Văn Đ nhận lời và điều Lô Thị X, Lô Thị Thùy G là nhân viên quán Karaoke Biển Nhớ sang nhà nghỉ Phương Thúy bán dâm. Trần Thị T bảo Lô Thị X lên phòng 106 quan hệ tình dục với Nguyễn Văn M1, Lô Thị Thùy G lên phòng 107 quan hệ tình dục với Lê Quang Đ. Sau đó, Nguyễn Văn M1 đi xuống quầy thanh toán cho Trần Thị T số tiền 540.000 (Năm trăm bốn mươi nghìn) đồng, trong đó, tiền mua bán dâm là 500.000 (Năm trăm nghìn) đồng, tiền nước là 40.000 (Bốn mươi nghìn) đồng. Số tiền bán dâm Trần Thị T giữ lại 140.000 (Một trăm bốn mươi nghìn) đồng còn lại đưa cho Lô Thị X số tiền 360.000 (Ba trăm sáu mươi nghìn) đồng. Lê Quang Đ và Nguyễn Văn M1 ngồi ở nhà nghỉ thì bị Công an thị trấn TS, huyện AL mời về trụ sở làm việc.

Khoảng 15 giờ ngày 04 tháng 7 năm 2018, Bùi Văn K, Nguyễn Đình H2 đến nhà nghỉ Phương Thúy để tìm gái mua dâm. Tại nhà nghỉ Phương Thúy, Bùi Văn K, Nguyễn Đình H2 hỏi Trần Thị T là chủ nhà nghỉ: “Ở đây có nhân viên không”, Trần Thị T hiểu Bùi Văn K, Nguyễn Đình H2 cần gái bán dâm, Trần Thị T trả lời là “có”. Sau đó, Trần Thị T chỉ cho Bùi Văn K số điện thoại 0966.232.586 của Bùi Văn Đ được viết sẵn trên mặt bàn uống nước ngoài sân nhà nghỉ Phương Thúy để gọi nhân viên đến. Bùi Văn K dùng điện thoại của mình số thuê bao 0975.308.578 để gọi số máy của Bùi Văn Đ và bảo Đ điều 02 nhân viên đến nhà nghỉ Phương Thúy. Bùi Văn Đ nghe xong điện thoại điều Lô Thị T2 và Lô Thị M đến nhà nghỉ Phương Thúy để bán dâm cho khách. Lô Thị T2, Lô Thị M đến nhà nghỉ Phương Thúy thì Lô Thị T2 và Bùi Văn K lên phòng 105, Lô Thị M và Nguyễn Đình H2 lên phòng 108. Đến 15 giờ 20 phút cùng ngày, Công an thị trấn TS, huyện AL kiểm tra, phát hiện và bắt giữ.

Tại Bản án sơ thẩm số 33/2018/HS-ST ngày 06/12/2018, Tòa án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng đã tuyên:

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị T, xử phạt 07 năm tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đ, xử phạt 03 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, còn tuyên xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2018, bị cáo Bùi Văn Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 17/12/2018, bị cáo Trần Thị T kháng cáo xem xét lại các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt. Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị cáo Bùi Văn Đ rút toàn bộ kháng cáo.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

- Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị T: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Chứa mại dâm” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là “Chứa mại dâm 04 người trở lên” đối với bị cáo T là chưa chính xác, bởi lẽ: Hành vi chứa mại dâm 04 người trở lên được xác định là cùng một thời điểm mà đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đối với 04 người trở lên. Mặc dù bị cáo có chứa mại dâm 04 người nhưng chia làm 02 lần, mỗi lần bị cáo chỉ chứa 02 người, mỗi lần có sự cách nhau về mặt thời gian. Việc áp dụng đã áp dụng tình tiết “Phạm tội nhiều lần” và vẫn áp dụng tình tiết “Chứa mại dâm 04 người trở lên” trong trường hợp này là chồng chéo, bất lợi cho bị cáo.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo T có cung cấp thêm các tình tiết mới: Bị cáo có bố đẻ tham gia quân đội, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi – đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Văn Đ: Tại phiên tòa, bị cáo đã rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận việc rút kháng cáo và đình chỉ xét xử đối với bị cáo Đ.

** Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị T: Theo Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 đã hướng dẫn việc xác định “Chứa mại dâm 04*

người trở lên” được hiểu là đối với người bán dâm và hành chứa mại dâm 04 người xảy ra trong cùng 1 khoảng thời gian. Tuy nhiên, việc chứa mại dâm 04 người của bị cáo không xảy ra cùng một lúc, bị cáo chứa mại dâm 02 người đã hoàn thành sau đó mới chứa tiếp 02 người nên việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết này đối với bị cáo là không đúng. Ngoài ra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, bị cáo có xuất trình tình tiết giảm nhẹ, ông bà và bố bị cáo tham gia kháng chiến, bị cáo nuôi con dưới 36 tháng tuổi, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận và áp dụng cho bị cáo là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, mức hình phạt 07 năm tù đối với bị cáo là quá nghiêm khắc, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận kháng cáo và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Chiều ngày 04/7/2018, Bùi Văn Đ đã có hành vi giới thiệu 02 lần, mỗi lần 02 người tới nhà nghỉ Phương Thúy do Trần Thị T làm chủ để bán dâm thu tiền. Do đó, bị cáo Bùi Quang Đ bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Môi giới mại dâm” theo Điều 328 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị T bị xét xử về tội “Chứa mại dâm” theo Điều 327 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

[2] - Đối với kháng cáo của bị cáo Trần Thị T: Việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự là “Chứa mại dâm 04 người trở lên” đối với bị cáo T là chưa chính xác, bởi lẽ: Hành vi chứa mại dâm 04 người trở lên được xác định là cùng một thời điểm mà đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đối với 04 người trở lên. Mặc dù bị cáo có chứa mại dâm 04 người nhưng chia làm 02 lần, mỗi lần bị cáo chỉ chứa 02 người, mỗi lần phạm tội có sự cách nhau về mặt thời gian; khi Cơ quan công an bắt quả tang chỉ có K và H2 đang quan hệ với T2 và M, còn M1 và Đ đã quan hệ xong, gái bán dâm là X và G đã về. Bản chất của vụ án là bị cáo T phạm tội nhiều lần, còn việc chứa mại dâm nhiều người trong trường hợp này đã bị xử lý ở tình tiết nhiều lần. Bị cáo T đã bị áp dụng tình tiết định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” nên việc áp dụng thêm tình tiết định khung “Chứa mại dâm 04 người trở lên” là không thỏa đáng và bất lợi cho bị cáo. Bị cáo Trần Thị T chỉ phạm tội “Chứa mại

dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự, do đó, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo có phần nghiêm khắc.

[3] Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm các tình tiết mới: Bị cáo có bố đẻ, ông nội, bà ngoại tham gia quân đội, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi – đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, Luật sư và chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] - Đối với kháng cáo của bị cáo Bùi Văn Đ: Tại phiên tòa, bị cáo Đ đã rút toàn bộ kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với bị cáo Bùi Văn Đ.

[5] Về án phí: Bị cáo Trần Thị T, Bùi Văn Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Trần Thị T: Sửa Bản án sơ thẩm; giảm hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 355; Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đ: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo.

2. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị T, xử phạt: 06 (Sáu) năm tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 328; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn Đ, xử phạt 03 (Ba) năm tù về tội “Môi giới mại dâm”, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Trần Thị T, Bùi Văn Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án số 33/2018/HS-ST ngày 06/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND huyện AL;
- PV27 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện AL;
- Cơ quan THAHS huyện AL;
- TAND huyện AL;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm